TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20/8/2021.
"*V/v Ly hôn và nuôi con chung*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khiêm.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Ngọc Khoa và ông Vũ Đức Minh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Điểu SMi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021 tại phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2021/TLST- HNGĐ, ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con"*. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS, ngày 28 tháng 7 năm 2021. Giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Tôi và anh Vt qua thời gian tự tìm hiểu nhau và chung sống với nhau từ năm 2014. Sau đó chúng tôi quyết định đi đến cuộc hôn nhân và gia đình hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương . Đến ngày 28 tháng 3 năm 2017 rồi mới đi đăng ký kết hôn; kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian đầu chung sống với nhau thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc nhưng từ tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Do vấn đề về kinh tế cũng như tình cảm vợ chồng, hai bên không tin tưởng đã mất niềm tin với nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Anh V không quan tâm đến gia đình mà đi lái xe không về nhà. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được mâu thuẫn đã trầm trọng đã ly thân nên tôi quyết định phải ly hôn.

Vì vậy tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là Nguyễn Phạm Việt H, sinh ngày 15/12/2015. Sau khi ly hôn thì con chung tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì từ khi sinh ra cho đến nay đều do một mình tôi chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại tôi buôn bán tạp hóa thu nhập ổn định, đủ để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Xuân Vt có bản tự khai ngày 25/01/2021: Anh V không đồng ý ly hôn với vợ Phạm Thị Tâm và hiện đi khỏi địa phương.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Xuân V; Giao cháu Nguyễn Phạm Việt H, sinh ngày 15/12/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T khởi kiện ly hôn với anh V. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung. Tại thời điểm chị T khởi kiện anh V có nơi cư trú tại thôn 8, xã Q, huyện T, tỉnh Đăk Nông, giữa các đương sự không có thỏa thuận về Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông và quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn và nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết đã trực tiếp cấp, tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn là anh Nguyễn Xuân V theo quy định tại Điều 171, 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh V vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh V chung sống với nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn. Nguyên đơn cho rằng quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm lối sống, thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau. Theo bản tự khai ciura anh V là anh không đồng ý ly hôn nhưng thực tế qua xác minh anh V đã đi khỏi địa phương. Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo quy

định tại Điều 17 và Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*".

Đối chiếu với quy định trên và lời khai của đương sự và qua xác minh trong quá trình giải quyết vụ án, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Xuân V.

[4]. Về con chung: Chị T và anh V có với nhau 01 con chung là Nguyễn Phạm Việt H, sinh ngày 15/12/2017. Theo nguyện vọng của chị T sau ly hôn với anh V chị T xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử, xét thấy hiện chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, anh V đã bỏ đi khỏi địa phương. Xét về điều kiện kinh tế chị T buôn bán tạp hóa tại thôn 8, xã Q, huyện T có thu nhập ổn đinh. Như vậy chị T có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Việt H tốt hơn anh Nguyễn Xuân V. Để đảm bảo cho việc nuôi dạy con cái một cách tốt nhất về mặt vật chất cũng như tinh thần, để cháu có đủ điều kiện học tập cũng như phát triển tốt cần giao con chung Nguyễn Phạm Việt H, sinh ngày 15/12/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh V có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị Phạm Thị T là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Xuân V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân V

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Việt H, sinh ngày 15/12/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* được khấu trừ vào số tiền chị Phạm Thị T đã nộp theo biên lai số 0001395, ngày 18 tháng 01 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- CCTHA huyện Tuy Đức;
- UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Khiêm